TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **05**/2020/QĐST-HNGĐ	*Sóc Trăng, ngày 06 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 146/2019/TLST-VHNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Bà **Trương Thị Kim B**, sinh năm 198X.

Địa chỉ: Số A59, đường PH, khóm A3, phường A8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Số B đường LĐT, phường B6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông **Thái Văn Út Đ (Thái Văn Út Đ)**, sinh năm 197X.

Địa chỉ: Số A59, đường PH, khóm A3, phường A8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Số B đường LĐT, phường B6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Kim B và ông Thái Văn Út Đ tự nguyện kết hôn vào năm 2002. Ông, bà có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/10/2008. Do quá trình chung sống ông, bà phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được nên bà B và ông Đ yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn cho ông, bà. Xét thấy, bà B và ông Đ đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, đó là không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Trương Thị Kim B và ông Thái Văn Út Đ.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Trương Thị Kim B và ông Thái Văn Út Đ có hai người con chung tên Thái Huế A (nữ), sinh ngày 09/9/200X và Thái Tú X (nữ), sinh ngày 20/9/200X. Sau khi ly hôn bà B và ông Đ thống nhất thỏa thuận giao cháu Thái Huế A (nữ), sinh ngày 09/9/200X và Thái Tú X (nữ), sinh ngày 20/9/200X cho bà B được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu A và cháu X đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trương Thị Kim B và ông Thái Văn Út Đ đều thống nhất thỏa thuận, ông Đ không cấp dưỡng cho cháu A và cháu X.

[3] Về tài sản chung: Bà Trương Thị Kim B và ông Thái Văn Út Đ đều trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Trương Thị Kim B và ông Thái Văn Út Đ đều tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà Trương Thị Kim B và ông Thái Văn Út Đ đồng ý chịu là 150.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận của ông, bà phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Kim B và ông Thái Văn Út Đ đều thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Trương Thị Kim B và ông Thái Văn Út Đ đều thống nhất thỏa thuận giao cháu Thái Huế A (nữ), sinh ngày 09/9/200X và Thái Tú X (nữ), sinh ngày 20/9/200X cho bà B được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu A và cháu X đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trương Thị Kim B và ông Thái Văn Út Đ đều thống nhất thỏa thuận, ông Đ không cấp dưỡng cho cháu A và cháu X.

Ông Thái Văn Út Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung tên Thái Huế A và Thái Tú X theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở ông Đ thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung: Bà Trương Thị Kim B và ông Thái Văn Út Đ đều trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trương Thị Kim B và ông Thái Văn Út Đ đều tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Kim B và ông Thái Văn Út Đ mỗi người đồng ý chịu là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng lệ phí do bà B và ông Đ đã nộp theo các biên lai thu số 0001489 và 0001490 cùng ngày 04/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà B và ông Đ đã nộp xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS - TPST;
- UBND phường A6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Thanh Loan